

ĐÁNH GIÁ NHU CẦU THÔNG TIN THUỐC TẠI BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG THANH HÓA NĂM 2024

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định được đặc điểm về nhu cầu thông tin thuốc của nhân viên y tế tại bệnh viện Phục hồi chức năng Thanh Hóa năm 2024.

Phương pháp: Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang không can thiệp thông qua bộ câu hỏi được thiết kế phù hợp trên 81 nhân viên y tế đang công tác chuyên môn tại các khoa/ phòng bệnh viện Phục hồi chức năng Thanh Hóa, thời gian thu thập từ ngày 01/08/2024 đến 30/09/2024.

Kết quả: Các NVYT có nhu cầu cao về TTT (100%), với mục đích chủ yếu là tư vấn cho bệnh nhân (39,3%) và cập nhật kiến thức (34,0%). NVYT mong muốn nhận phản hồi thông tin nhanh chóng (ngay lập tức: 34,6%; trong ngày: 33,3%) và đa dạng hình thức tiếp nhận. Hình thức cập nhật thông tin qua tờ hướng dẫn sử dụng là cao nhất (34,3%), các nguồn tìm kiếm thông tin ứng dụng công nghệ có tỷ lệ thấp (website trong nước là 9,5%, nước ngoài là 3,8%). Khó khăn chính trong tra cứu TTT gồm đánh giá độ tin cậy nguồn thông tin (40,0%), thời gian tra cứu (25,8%) và rào cản ngôn ngữ (19,1%). Vẫn còn 1/3 số NVYT nhận định chất lượng TTT tại bệnh viện ở mức bình thường, tạm chấp nhận.

Kết luận: NVYT mong muốn nhận phản hồi thông tin nhanh chóng và đa dạng hình thức tiếp nhận. Các hình thức cập nhật TTT của các NVYT còn mang tính thủ công. Khó khăn chính trong tra cứu TTT bao gồm đánh giá độ tin cậy nguồn thông tin thời gian tra cứu và rào cản ngôn ngữ. Các giải pháp đề xuất để nâng cao hiệu quả công tác TTT là tăng cường đào tạo kỹ năng tra cứu và phản hồi nhanh cho đơn vị TTT bệnh viện, ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình cập nhật TTT, xây dựng hệ thống nguồn TTT tin cậy, đa ngôn ngữ, đa dạng hóa hình thức truyền tải TTT phù hợp với nhu cầu NVYT.

Từ khóa: Nhu cầu thông tin thuốc, nhân viên y tế, Bệnh viện Phục hồi chức năng Thanh Hóa

ASSESSMENT OF DRUG INFORMATION

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình
2. Bệnh viện Phục hồi chức năng Thanh Hóa

*Tác giả liên hệ: Ngô Thị Duyên
Email: ngoduyenytb@gmail.com

Ngày nhận bài: 14/5/2025

Ngày phản biện: 24/5/2025

Ngày duyệt bài: 30/5/2025

Ngô Thị Duyên^{1*}, Đặng Xuân Vinh¹, Lê Thị Na²

NEEDS AT THANH HOA REHABILITATION HOSPITAL IN 2024

ABSTRACT

Objective: To identify the characteristics of drug information needs among healthcare professionals at Thanh Hoa Rehabilitation Hospital in 2024.

Subjects and Methods: A non-interventional cross-sectional descriptive study was conducted using a structured questionnaire administered to 81 healthcare professionals working in clinical departments at Thanh Hoa Rehabilitation Hospital. Data were collected from August 1 to September 30, 2024.

Results: Healthcare professionals demonstrated a high demand for drug information (100%), primarily for patient counseling (39.3%) and knowledge updating (34.0%). They preferred rapid information feedback (immediately: 34.6%; within the day: 33.3%) and diverse delivery formats. Printed drug guides were the most common source (34.3%), while technology-based sources had low utilization (domestic websites: 9.5%; foreign websites: 3.8%). Major challenges in drug information retrieval included assessing source reliability (40.0%), time constraints (25.8%), and language barriers (19.1%). One-third of respondents rated the hospital's drug information quality as average or minimally acceptable.

Conclusion: Healthcare professionals desire rapid feedback and diversified information delivery methods. Current drug information updates remain manual. Key retrieval challenges involve source reliability evaluation, time constraints, and language barriers. Proposed solutions to enhance effectiveness include: training healthcare workers in information retrieval skills, improving response times, adopting digital technologies to optimize drug information workflows, establishing a multilingual and reliable drug information database, and diversifying dissemination methods to align with user needs.

Keywords: Drug information needs, healthcare professionals, Thanh Hoa Rehabilitation Hospital

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thuốc là một sản phẩm thiết yếu trong chăm sóc sức khỏe, việc cung cấp thông tin thuốc đầy đủ,

chính xác đóng vai trò quan trọng trong sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của y học hiện đại đã tạo ra khoảng cách lớn giữa khối lượng thông tin sẵn có và khả năng tiếp cận, cập nhật của nhân viên y tế và bệnh nhân. Điều này dẫn đến nguy cơ lạm dụng thuốc và áp dụng sai các tiến bộ điều trị [1]. Hướng dẫn của Hiệp hội Dược sỹ Hoa Kỳ đã chỉ ra vai trò quan trọng của dược sĩ lâm sàng trong việc cung cấp thông tin thuốc (TTT) [2]. Năm 2020, chính phủ đã ban hành nghị định 131/2020/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã khẳng định vai trò của công tác dược lâm sàng trong đó có quy định về tổ chức dược lâm sàng là thông tin, hướng dẫn sử dụng thuốc cho người hành nghề khám chữa bệnh, người sử dụng thuốc và cộng đồng [3]. Một nghiên cứu trên 39 bệnh viện tại Hà Nội cho thấy hoạt động thông tin thuốc cũng được chú trọng tại các bệnh viện, tuy nhiên khó khăn của hoạt động dược lâm sàng nói chung và thông tin thuốc nói riêng là thiếu nguồn lực, thiếu kỹ năng của dược sỹ, thiếu các nguồn thông tin thuốc cập nhật [4]. Một số kết quả nghiên cứu khác cũng cho thấy nhu cầu của bệnh nhân và các nhân viên y tế (NVYT) về TTT là rất cao và mong muốn về nhu cầu TTT đa dạng, là yếu tố liên quan trực tiếp đến hoạt động của các dược sỹ lâm sàng làm công tác TTT [5], [6]. Vì thế, việc xác định cụ thể nhu cầu TTT tại từng tuyến cơ sở là thực sự cần thiết. Bệnh viện Phục hồi chức năng Thanh Hóa là bệnh viện chuyên khoa tuyến tính hạng 2, đang từng bước củng cố, trau dồi và hoàn thiện nhiệm vụ chuyên môn về thông tin thuốc. Hiện nay, tại bệnh viện đã thành lập đơn vị TTT với sự tham gia của 03 dược sỹ có trình độ từ đại học trở lên. Tuy nhiên để triển khai công tác TTT một cách hiệu quả và chất lượng nhất, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu “đánh giá nhu cầu thông tin thuốc tại Bệnh viện Phục hồi chức năng Thanh Hóa năm 2024” với mục tiêu xác định được đặc điểm về nhu cầu TTT của các nhân viên y tế tại bệnh viện Phục hồi chức năng Thanh Hóa năm 2024 (đặc điểm nhân khẩu học, các nhu cầu cụ thể về TTT, mức độ hài lòng của NVYT về hoạt động thông tin thuốc đang được triển khai tại bệnh viện).

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Các nhân viên y tế (NVYT) đang công tác chuyên môn tại các

khoa/ phòng của bệnh viện Phục hồi chức năng Thanh Hóa.

- Tiêu chuẩn lựa chọn:

Các nhân viên y tế đồng ý tham gia nghiên cứu .

- Tiêu chuẩn loại trừ:

Các nhân viên y tế không đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Địa điểm và thời gian nghiên cứu:

+ Địa điểm nghiên cứu: Bệnh viện Phục hồi chức năng Thanh Hóa.

+ Thời gian nghiên cứu: Từ ngày 01/08/2024 - 30/09/2024.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu:

Mô tả cắt ngang không can thiệp

2.2.2. Cỡ mẫu và chọn mẫu

Cỡ mẫu thuận tiện

Do số lượng nhân viên y tế đang công tác chuyên môn tại các khoa/phòng bệnh viện ít (85 nhân viên) nên chúng tôi chọn tất cả nhân viên y tế đạt tiêu chuẩn và đồng ý tham gia nghiên cứu. Kết quả cho thấy có 81 nhân viên y tế đạt tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ.

2.2.3. Nội dung nghiên cứu

* *Thông tin về đối tượng được khảo sát:*

Đặc điểm của NVYT tham gia khảo sát (giới tính, trình độ chuyên môn, thời gian công tác ...)

* *Xác định nhu cầu TTT của NVYT*

Tỷ lệ về nhu cầu TTT của NVYT từ đơn vị TTT của bệnh viện , thời gian mong muốn nhận phản hồi TTT của NVYT, mục đích tìm kiếm TTT của NVYT, hình thức phản hồi TTT mong muốn của NVYT, nội dung TTT mong muốn nhận được của NVYT, khoảng thời gian tư vấn TTT mong muốn và thực tế của NVYT cho bệnh nhân, hình thức cập nhật TTT thực tế của NVYT, những khó khăn trong tra cứu TTT, đánh giá về công tác cung cấp TTT của đơn vị TTT bệnh viện.

2.2.4. Quy trình tiến hành nghiên cứu

* *Công cụ thu thập số liệu*

Xây dựng bộ phiếu điều tra phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và dựa trên văn bản pháp lý và quy định liên quan về hoạt động dược lâm sàng, thông tin thuốc [3]. Bộ câu hỏi được chỉnh sửa và hoàn thiện sau khi tiến hành điều tra thử.

Bộ câu hỏi được thiết kế bao gồm 2 loại câu hỏi: nhiều lựa chọn và có/không.

* Các bước thu thập thông tin

- Điều tra phỏng vấn: các thành viên trong nhóm nghiên cứu sẽ phỏng vấn trực tiếp dựa vào bộ câu hỏi đã được thiết kế sẵn.

- Các phiếu đạt yêu cầu phải có đầy đủ các thông tin cần cho nghiên cứu, nhóm nghiên cứu phát ra 81 phiếu và thu về 81 phiếu đạt yêu cầu.

2.2.5. Phương pháp xử lý số liệu

Các số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2010, các số liệu được biểu diễn dưới dạng tỷ lệ %.

III. KẾT QUẢ

2.3. Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu đã được thông qua bởi Hội đồng khoa học của Bệnh viện Phục hồi chức năng Thanh Hóa theo quyết định số 399/QĐ-BV ngày 20/11/2024, NVYT tự nguyện tham gia nghiên cứu, các thông tin của đối tượng nghiên cứu được bảo mật.

Bảng 1. Đặc điểm về NVYT tham gia phỏng vấn

Cán bộ y tế	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Trình độ chuyên môn		
Bác sĩ	15	18,5
Điều dưỡng/KTV	59	72,9
Dược sĩ	07	8,6
Giới		
Nam	27	33,3
Nữ	54	66,7
Thời gian công tác		
Dưới 10 năm	37	45,7
Trên 10 năm	44	54,3

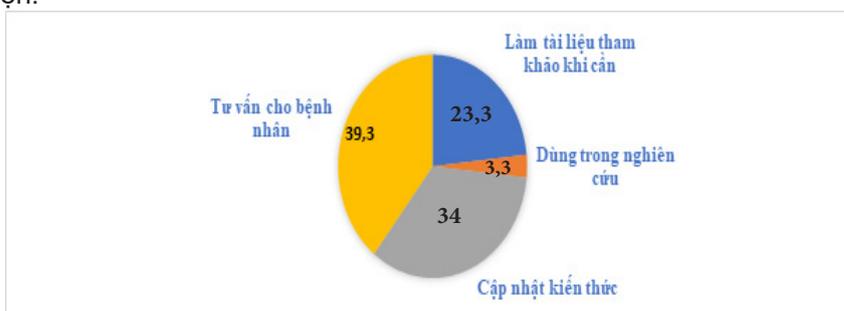
Ghi chú: KTV: kỹ thuật viên

Nhận xét: Số lượng mẫu nghiên cứu là 81 NVYT, trong đó bác sĩ chiếm 18,5%; điều dưỡng/KTV chiếm 72,9%; dược sĩ chiếm 8,6%, chủ yếu là nữ giới (66,7%), số lượng NVYT công tác dưới 10 năm tương đối nhiều (45,7%).

Bảng 2. Tỷ lệ về nhu cầu TTT của NVYT từ đơn vị thông tin thuốc của bệnh viện

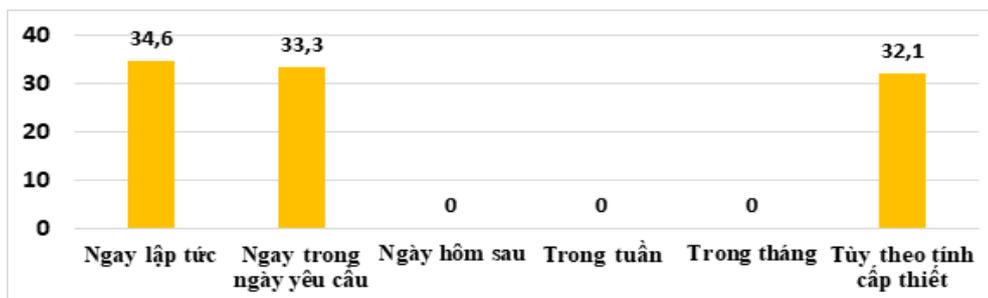
Nhu cầu TTT từ đơn vị thông tin thuốc của bệnh viện	Số lượng	Tỷ lệ %
Có	81	100
Không	0	0

Nhận xét: Tất cả các nhân viên y tế được khảo sát đều có nhu cầu về thông tin thuốc từ đơn vị thông tin thuốc của bệnh viện.



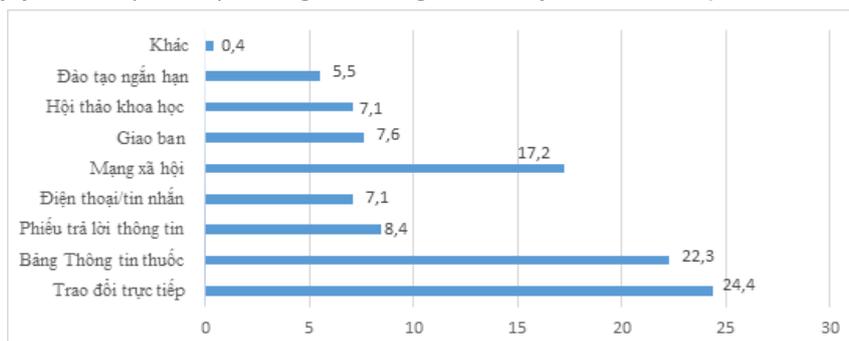
Biểu đồ 1. Mục đích tìm kiếm TTT của NVYT

Nhận xét: Mục đích tìm kiếm TTT của NVYT chủ yếu dùng để tư vấn cho bệnh nhân (39,3%). Vấn đề về cập nhật kiến thức cũng được quan tâm (34,0%), làm tài liệu tham khảo (23,3%), số ít để dùng trong nghiên cứu (3,3%).



Biểu đồ 2. Thời gian mong muốn nhận phản hồi TTT của NVYT

Nhận xét: Thời gian mong muốn nhận phản hồi TTT của NVYT chủ yếu là ngay lập tức (chiếm 34,6%) và ngay trong ngày yêu cầu (33,3%), thời gian mong muốn tùy theo tính cấp thiết là 32,1%.



Biểu đồ 3. Hình thức phản hồi TTT mong muốn của NVYT

Nhận xét: NVYT mong muốn nhận phản hồi TTT qua nhiều hình thức như trao đổi trực tiếp (24,4%), qua bảng thông tin thuốc (22,3%); qua mạng trực tuyến (17,2%), giao ban (7,6%), hội thảo khoa học (7,1%), đào tạo ngắn hạn (5,5%).

Bảng 3. Nội dung TTT mong muốn nhận được của NVYT

Nội dung thông tin thuốc	Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng
Thuốc mới, thuốc thay thế, thuốc ít sử dụng	46,9	50,6	2,5	0,0
Chỉ định	71,6	28,4	0,0	0,0
Chống chỉ định	76,5	23,5	0,0	0,0
Tác dụng không mong muốn/Độc tính và cách xử trí	67,9	32,1	0,0	0,0
So sánh về hiệu quả, tính an toàn phục vụ cho lựa chọn kê đơn và sử dụng cho bệnh nhân	35,8	58,0	6,2	0,0
Liều dùng (Khởi đầu, duy trì, hiệu chỉnh...)	49,4	46,9	3,7	0,0
Đường dùng/Cách dùng/Thời điểm dùng	59,3	40,7	0,0	0,0
Tương tác/Tương kỵ	48,1	48,1	3,7	0,0
Dạng bào chế và sinh khả dụng	27,2	59,3	11,1	2,5
Dược động học	28,4	53,1	17,3	1,2

Nội dung thông tin thuốc	Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng
Thông tin đánh giá hiệu quả và độ an toàn thuốc mới	34,6	55,6	9,9	0,0
Giá thuốc, thông tin về phạm vi thanh toán BHYT	23,5	38,3	37,0	1,2
Phác đồ điều trị	40,7	49,4	9,9	0,0
Khác	0,0	3,7	9,9	0,0

Nhận xét: Nội dung TTT mà NVYT quan tâm được đánh giá tương đối đồng đều trong đó chỉ định chiếm 71,6% và chống chỉ định chiếm 76,5%. Tiếp đó là tác dụng không mong muốn/ độc tính và cách xử trí chiếm 67,9%, liều dùng 59,3%

Bảng 4. Khoảng thời gian tư vấn TTT mong muốn của NVYT cho bệnh nhân

Thời gian tư vấn mong muốn	Số lượng	Tỷ lệ %
Dưới 5 phút	18	22,2
5 đến 10 phút	40	49,4
10 đến 15 phút	8	9,9
Trên 15 phút	0	0,0
Khác	15	18,5

Nhận xét: Đa số các nhân viên y tế mong muốn tư vấn TTT từ 5 đến 10 phút chiếm 49,4%, dưới 5 phút chiếm 22,2%. 10 đến 15 phút chiếm 9,9% và thời gian khác chiếm 18,5%.

Bảng 5. Khoảng thời gian thực tế tư vấn TTT của NVYT cho bệnh nhân

Khoảng thời gian tư vấn thực tế	Số lượng	Tỷ lệ %
Dưới 5 phút	24	29,6
5 đến 10 phút	36	44,5
10 đến 15 phút	6	7,4
Trên 15 phút	1	1,2
Đến khi bệnh nhân thỏa mãn	11	13,6
Khác	3	3,7

Nhận xét: Bảng thống kê cho thấy thời gian tư vấn thực tế cho bệnh nhân chủ yếu là 5 đến 10 phút chiếm 44,5%; dưới 5 phút chiếm 29,6%. Đặc biệt có đến 13,6% tư vấn đến khi bệnh nhân thỏa mãn.

Bảng 6. Hình thức cập nhật TTT thực tế của NVYT

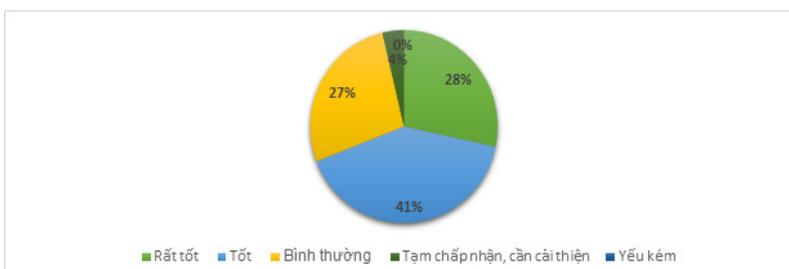
Hình thức cập nhật	Số lượng	Tỷ lệ %
Trao đổi với đồng nghiệp	54	25,7
Tờ hướng dẫn sử dụng	72	34,3
Sách/Báo/Tạp chí	27	12,9
Bảng thông tin thuốc	18	8,6
Website trong nước	20	9,5
Website nước ngoài	8	3,8
Ứng dụng (App) di động	9	4,3
Khác	2	1,0

Nhận xét: Hình thức cập nhật thông qua tờ hướng dẫn sử dụng là cao nhất (34,3%), các nguồn tìm kiếm thông tin ứng dụng công nghệ có tỷ lệ thấp (website trong nước là 9,5%, nước ngoài là 3,8%)



Biểu đồ 4. Những khó khăn trong tra cứu TTT

Nhận xét: Những khó khăn lớn nhất trong tra cứu TTT của NVYT là khó đánh giá nguồn tin cậy chiếm 40,0%; tiếp theo là mất nhiều thời gian chiếm 25,8%; rào cản ngôn ngữ chiếm 19,1%; thiếu kỹ năng tra cứu chiếm 15,0%.



Biểu đồ 5. Đánh giá về công tác cung cấp TTT của DIC bệnh viện

Nhận xét: Việc cung cấp TTT của đơn vị thông tin thuốc (DIC) bệnh viện được đánh giá là tốt chiếm 40,7%; rất tốt chiếm 28,4%; bình thường chiếm 27,2%; tạm chấp nhận, cần cải thiện chiếm 3,7%.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu được thực hiện trên 81 NVYT đang công tác chuyên môn tại các khoa/ phòng của bệnh viện cho thấy đội ngũ NVYT bao gồm các bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng/KTV đều có nhu cầu cao về TTT. Trong đó số NVYT có thời gian công tác dưới 10 năm chiếm gần 50% tổng số NVYT (45,7%), điều này vừa là thách thức (kinh nghiệm chưa nhiều) vừa là cơ hội (khả năng tiếp cận các phương pháp mới, kiến thức mới nhanh chóng) cho việc triển khai công tác TTT tại bệnh viện. Mục đích tìm kiếm TTT của các đối tượng tham gia nghiên cứu tương đối đa dạng như tư vấn cho bệnh nhân (chiếm 39,3%), cập nhật kiến thức (34,0%), làm tài liệu tham khảo (23,3%), dùng trong nghiên cứu (3,3%). Kết quả này cũng tương tự với nghiên cứu của Nguyễn Văn Sơn (2022), nghiên cứu này chỉ ra rằng mục đích tìm kiếm thông tin của NVYT là cập nhật kiến thức (46%), tư vấn cho bệnh nhân (24,1%), làm tài liệu tham khảo (20,1%) [7]. Các mục đích này hoàn toàn phù hợp với hoạt động chuyên môn của các NVYT.

Thời gian mong muốn nhận phản hồi TTT của các NVYT trong khảo sát chủ yếu là ngay lập tức (chiếm 34,6%) và trong ngày (chiếm 33,3%). Trong thực tế lâm sàng khi gặp phải những vấn đề liên quan đến thuốc thông thường là những vấn đề cấp thiết cần vận dụng ngay vì vậy yêu cầu nhất thiết là được phản hồi ngay. Theo tác giả Nguyễn Văn Sơn (2022), thời gian mong muốn nhận phản hồi của NVYT ngay lập tức chiếm 47,8%, trong ngày chiếm 33,2% [7]. Điều này đòi hỏi sự nhạy bén và

kiến thức của người cung cấp thông tin. Các NVYT mong muốn nhận phản hồi TTT theo nhiều hình thức như trao đổi trực tiếp (24,4%), qua bảng thông tin thuốc (22,3%).... Kết quả nghiên cứu tương đồng với nghiên cứu của Bùi Sơn Nhật (2017) và Bùi Thị Hào (2024) về các hình thức mong muốn nhận phản hồi TTT của NVYT [5], [8]. Sự đa dạng này là do tính chất công việc của từng NVYT, do đó đơn vị TTT cần chuẩn bị nhiều phương án để có hình thức trả lời phù hợp.

Các nội dung TTT mà NVYT quan tâm (cho rằng rất quan trọng) tương đối đồng đều như chỉ định (71,6%), chống chỉ định (76,5%), tác dụng không mong muốn/độc tính và cách xử trí (67,9%), cách dùng (59,3%), liều dùng (49,4%). Kết quả này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của các tác giả Nguyễn Văn Sơn (2022) và Bùi Thị Hào (2024), đó là các NVYT đều quan tâm đến chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, tác dụng không mong muốn [7], [8]. Đây là các thông tin cơ bản và cần thiết khi các bác sĩ ra quyết định điều trị cho bệnh nhân và các điều dưỡng/KTV thực hiện y lệnh của bác sĩ. Với sự tiến bộ của y học hiện đại, các thông tin trên có thể cập nhật thay đổi theo thời gian, đòi hỏi người làm công tác TTT cần có kỹ năng thành thạo trong việc cập nhật TTT, đồng thời áp dụng hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác TTT.

Thời gian mong muốn và thời gian thực tế tư vấn TTT cho bệnh nhân gần giống nhau, chủ yếu là từ 5

đến 10 phút (chiếm lần lượt 49,4% và 44,5%); dưới 5 phút (chiếm lần lượt 22,2% và 29,6%). Thời gian này khá phù hợp với thực tế lâm sàng tại bệnh viện. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Văn Sơn (2022) thời gian mong muốn và thực tế tư vấn TTT chủ yếu cũng từ 5 đến 10 phút (52,2% và 45,7%). Với khoảng thời gian tư vấn cho bệnh nhân như trên, các NVYT rất cần sự hỗ trợ tích cực của người làm công tác TTT trong việc cung cấp TTT kịp thời.

Các hình thức cập nhật TTT của các NVYT khá đa dạng, trong đó hình thức cập nhật thông qua tờ hướng dẫn sử dụng là cao nhất (34,3%). Trái lại, các nguồn tìm kiếm thông tin ứng dụng công nghệ có tỷ lệ thấp (website trong nước là 9,5%, nước ngoài là 3,8%). Điều này cho thấy các hình thức cập nhật TTT của các NVYT vẫn còn mang tính thủ công, chưa tương xứng với sự bùng nổ của công nghệ thông tin, việc triển khai công tác TTT tại các khoa phòng chưa thực sự hiệu quả.

Khó khăn lớn nhất trong tra cứu TTT của các nhân viên y tế ở bệnh viện là khó đánh giá nguồn tin cậy (chiếm 40,0%); mất nhiều thời gian tra cứu (chiếm 25,8%); rào cản ngôn ngữ (chiếm 19,1%); thiếu kỹ năng tra cứu (chiếm 15,0%). Trong nghiên cứu của Muralidharan và các cộng sự (2022) ghi nhận 17% NVYT cho rằng họ quá bận rộn để thực hiện việc tra cứu TTT [9]. Kết quả nghiên cứu của Tahamtan và cộng sự (2015) cũng đề cập đến việc thiếu khả năng tiếp cận TTT và không có đủ thời gian là những trở ngại chính trong việc tìm kiếm TTT [10].

Đa số NVYT đánh giá cao hoạt động TTT của đơn vị TTT của bệnh viện. Tuy nhiên hơn 1/3 số NVYT đánh giá mức bình thường, tạm chấp nhận. Điều này cho thấy đơn vị TTT của bệnh viện cần có những nỗ lực và đầu tư hơn nữa việc đào tạo, phát triển đội ngũ làm công tác TTT thực sự chất lượng, hiệu quả.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu “Đánh giá nhu cầu thông tin thuốc tại Bệnh viện Phục hồi chức năng Thanh Hóa năm 2024” đã chỉ ra NVYT có nhu cầu rất cao về TTT (100%). NVYT mong muốn nhận phản hồi thông tin nhanh chóng (ngay lập tức: 34,6%; trong ngày: 33,3%) thông qua nhiều hình thức đa dạng. Những hạn chế trong công tác TTT hiện tại bao gồm: phương pháp tra cứu còn thủ công, tỷ lệ sử dụng nguồn thông tin số hóa thấp (website trong nước: 9,5%; nước ngoài: 3,8%); khó khăn chính khi tra cứu TTT là đánh giá độ tin cậy của thông tin (40,0%), thời gian tra cứu (25,8%) và rào cản ngôn ngữ (19,1%); vẫn còn 1/3 số NVYT nhận định chất lượng TTT tại bệnh viện ở mức bình thường, tạm chấp nhận.

Nghiên cứu này có một số hạn chế như quy mô mẫu nhỏ, phạm vi hẹp và thiếu các phân tích sâu. Để khắc phục những tồn tại và nâng cao hiệu quả công tác TTT, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp:

- Đào tạo kỹ năng tra cứu và phản hồi thông tin nhanh cho NVYT.
- Ứng dụng công nghệ thông tin để tối ưu hóa quy trình cập nhật và chia sẻ TTT.
- Xây dựng hệ thống nguồn TTT tin cậy, đa ngôn ngữ, giúp giảm thiểu rào cản thông tin.
- Đa dạng hóa hình thức truyền tải phù hợp với nhu cầu NVYT.
- Triển khai nghiên cứu chuyên sâu hơn, sử dụng phương pháp thống kê đa biến để nâng cao tính khái quát, làm cơ sở cho các chiến lược can thiệp hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Malone, Patrick M (2018)**, Drug information: A guide for pharmacists (6th ed.), New York.
2. **S. Ghaibi, H. Ipema, and M. Gabay (2015)**, “ASHP Guidelines on the Pharmacist’s Role in Providing Drug Information,” American Journal of Health-System pharmacy, vol. 72, pp. 573-577.
3. **Chính phủ Việt Nam (2020)**, Nghị định, quy định về tổ chức và hoạt động dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, số 131/2020/NĐ-CP, Hà Nội.
4. **H. T. Trinh, H. T. L. Nguyen, V. T. T. Pham et al (2018)**, “Hospital clinical pharmacy services in Vietnam,” Int J Clin Pharm, vol. 40, no. 5, pp. 1144-1153.
5. **Bùi Thị Hào, Đặng Đình Cường (2024)**, “Nhu cầu thông tin thuốc tại học viện Y Dược cổ truyền Việt Nam và bệnh viện Tuệ Tĩnh”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, số 229.09 tr. 474-480.
6. **Tôn Thị Thanh Thảo, Nguyễn Thế Anh, Nguyễn Thị Liên và cộng sự (2023)**, “Khảo sát nhu cầu tư vấn sử dụng thuốc và mức độ hài lòng của bệnh nhân sau khi được tư vấn tại Bệnh viện An Bình”, số 65 (3ĐB), tr. 69 – 72.
7. **Nguyễn Văn Sơn (2022)**, “Đánh giá nhu cầu và hoạt động thông tin thuốc tại Trung tâm Y tế huyện Hồng Ngự và Tân Hồng tỉnh Đồng Tháp”, luận văn thạc sĩ Dược học, trường Đại học Tây Đô.
8. **Bùi Sơn Nhật (2017)**, “Khảo sát nhu cầu thông tin thuốc tại bệnh viện E”, khóa luận tốt nghiệp đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. **Muralidharan, Venkatesan, A., Venati, R., et al. (2022)**, Barriers of healthcare professionals in utilizing the service of drugs and poison information Centre: A cross-sectional study, Exploratory Research in Clinical and Social Pharmacy, vol. 6, pp. 100-142.
10. **Tahamtan, L, Tavassoli Farahi, M., Afshar et al. (2015)**, “Drug information seeking behaviours of health care professionals in Iran”, New Library World, vol. 116, pp. 173-186.